

THIỀN SƯ THÍCH THANH TỬ

NHÂN DUYÊN NGỘ ĐẠO

Giảng giải



Mục Lục

Phần Chánh Văn	3
Phần Giảng Giải	11

Phần Chánh Văn

Kinh nói: *“Chữa bệnh không thể nhất định, do trí khéo thì hành, thuốc không cố chấp toa, tùy nghi sử dụng.”* Hòa thượng Tuệ Đăng hiển bày tâm tông của Phật, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật.

Bởi vì pháp giới vốn không chúng sanh, chúng sanh duyên nơi vọng kiến. Đạo Phật vốn không ngôn thuyết, ngôn thuyết là vì hữu tình. Đến như chân như là bình đẳng, vốn không chư Phật và chúng sanh, há có văn tự và ngôn thuyết? Cho nên ngôn thuyết đều là đối với vọng tưởng của chúng sanh, việc bất đắc dĩ mà có ngôn thuyết. Do chúng sanh có các thứ vọng tưởng, nếu chẳng tùy cơ đặt giáo pháp thì không có giáo pháp. Không Pháp thì không Phật, không Phật thì không Tăng. Tam bảo đều không thì ai vì nói pháp, nói pháp cho ai? Thế là không có người nói pháp, không có chúng nghe pháp. Song sau này có pháp để nói, tức là giáo pháp từ duyên mà dựng lập, đều là nắm lá vàng đổ con nít khóc, thì có thật sao? Người ngu còn có thể nhiều kinh nhiều thuyết, người trí thì chưa dứt tiếng hét tiếng cười đã chống ngộ tự tánh. Kệ rằng:

Hữu thuyết giai thành báng

Vô ngôn diệt bất dung.

Vị quân thông nhất tuyến,

Nhật xuất linh đông hồng.

Dịch:

Có thuyết thành nhạo báng,

Không lời cũng chẳng xong

Vì anh vạch một lối,

Trời lên núi đông hồng.

Trong kinh Lăng-già quyển hai, Phật bảo Bồ-tát Đại Huệ: *“Chẳng phải tất cả cõi nước có ngôn thuyết. Ngôn thuyết là tạo tác. Hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp, hoặc có cõi tạo hình tướng, hoặc có cõi nương mây, hoặc có cõi chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hắng, hoặc nghĩ cõi nước, hoặc dao động. Đại Huệ! Như thế giới Chiêm Thị và Hương Tích, cõi nước Phổ Hiền Như Lai chỉ do nhìn xem khiến các Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn và các tam-muội thù thắng. Thế nên chẳng phải ngôn thuyết có tánh, có tất cả tánh.”* Phật lại bảo Bồ-tát Đại Huệ: *“Thấy thế giới này có các loài ruồi muỗi trùng kiến, chúng nó không có ngôn thuyết mà mỗi loài đều làm xong việc.”* Cho nên Thế Tôn dùng những căn cơ này mà thay cho thuyết pháp. Thế là sáu căn đều có thể thuyết pháp, đâu hẳn mượn miệng lưỡi thốt ra âm thanh mới là thuyết pháp. Vì thế, hằng ngày nơi cửa sáu căn của chúng sanh đều là nơi nhập lý. Do đó ba đời chư Phật “*bốn mắt nhìn nhau*”, sáu đời tổ sư “*thối thân có phần*”. Tuy nhiên như thế, Niết-bàn không hai đường, phương tiện có nhiều cửa. Vì vậy, Phật nói Đại thừa, Tiểu thừa, kinh có Đốn giáo, Tiệm giáo. Chẳng nhờ ngón tay chỉ thì đâu thể thấy mặt trăng, chỉ được cá mới có thể quên nơm. Lời nói này đặc biệt vì kẻ sơ cơ. Nếu bậc mắt sáng nào ngại một tiếng cười, không truyền mà truyền, không được mà được, lấy cái không chỗ được ấn chứng Bồ-đề. Thế Tôn đưa cành hoa, tổ Ca-diếp mỉm cười, học giả cần phải biết đồng một tánh vậy.

NIỆM TÂM HOA KỆ

Thích-ca xuất thế đại nhân duyên,

Ca-diếp đầu cơ đắc ấn truyền.

Niêm hoa vi tiếu nghiêm nhiên tại,

*Dịch điệp phân phương biến đại thiên.
Niêm hoa vi tiểu chỉ truyền lại,
Chánh pháp từng tư xứ xứ khai.
Điện quyện phong trì hữu nghĩ nghĩ,
Đức Sơn Lâm Tế hát như lời.
Linh Sơn hội thượng niêm hoa nhật,
Ca-diếp thân truyền hướng thượng ky (cơ).
Tùng thủ tuệ đăng quang hiển hách,
Phổ thiên đại địa mãn trường huy.*

Dịch:

KỆ ĐƯA HOA TÂM

Thế Tôn xuất hiện đại nhân duyên,
Ca-diếp hợp cơ được ấn truyền.
Đưa hoa cười mỉm vẫn còn đây,
Hương ngát đời đời khắp đại thiên.
Đưa hoa cười mỉm chỉ truyền đây,
Chánh pháp từ nay chốn chốn bày.
Điện cuốn gió đùa thôi nghĩ tính,
Đức Sơn Lâm Tế hét vang tai.
Trên hội Linh Sơn giở cành hoa,
Thân truyền Ca-diếp nhằm thượng cơ.
Đèn tuệ từ đây càng rực rỡ,
Đất trời đầy khắp mãi sáng lò.

*

MẬT THỌ TÂM ĐĂNG

*Nhất điểm tâm đăng Phật nhãn sinh,
Tương truyền tứ mục cố phân minh.
Liên phương tục diệm quang vô tận,
Phổ phó thiên lâm thọ hữu tình.*

Dịch:

THÂM TRAO ĐÈN TÂM

Một ngọn đèn tâm mắt Phật sinh,
Đồn rằng bốn mắt ngó phân minh.
Tiếp hương nổi lửa sáng không dứt,
Trao khắp rừng thiên chúng hữu tình.

*

TỰ TÁNH ỨNG DỤNG

*Hiển hách phân minh thập nhị thì,
Thử chi tự tánh nhậm thi vị.
Lục căn vận dụng chân thường kiến,
Vạn pháp tung hoành chánh biến tri.
Cùng kim cang cố bản như như,
Pháp tánh viên đồng thước thái hư.
Ứng xuất lục căn năng vận dụng,
Tinh thông vạn pháp triệt vô dư.*

Dịch:

ỨNG DỤNG TÁNH MÌNH

Rực rỡ rõ ràng suốt cả ngày,
Đây là tự tánh mặc hiện bày.
Sáu căn vận dụng chân thường thấy,

Muôn pháp dọc ngang giác ngộ ngay.
Tốt cùng kim cổ vốn như như,
Pháp tánh tròn đồng khắp thái hư.
Ứng hiện sáu căn hay vận dụng,
Rõ ràng muôn pháp tốt không thừa.

*

TỰ TÁNH ỨNG HIỆN

*Pháp tánh chân không vô tứ đại,
Sắc tướng hình dung hữu lục căn.
Hải để kim ô thiên thượng nhật,
Nhân trung đồng tử diện tiền nhân.*

Dịch:

TỰ TÁNH ỨNG HIỆN

Pháp tánh chân không chẳng tứ đại,
Hình dung sắc tướng có sáu căn.
Đáy biển quạ vàng trên mặt nhật,
Con người trong mắt nơi mặt người.

*

THẦN CƠ HIỂN HÓA

*Phật pháp diệu lý vô đa tự,
Tổ đạo huyền cơ hát nhất thanh.
Bất thị xuân lôi âm nhất chấn,
Tranh giao hàm giáp tận khai manh.
Nhất hát dương dương tuyệt điểm ai,
Vạn trùng quan tỏa hoát nhiên khai.*

*Minh minh đại đạo bình như chưởng,
Cập đệ tâm không quy khứ lai.*

Dịch:

CƠ THẦN BÀY LỘ

Lý mâu Phật pháp không nhiều chữ,
Đạo Tổ cơ huyền tiếng hét to.
Nếu chẳng sấm xuân vang một tiếng,
Làm sao trong vỏ mâm nở tung.
Một hét đang thời bật điểm nhơ,
Muôn vòng cổng khóa bỗng tung ra.
Đại đạo sáng ngời như tay mở,
Tâm không thi đậu thành thơi về.

*

LIỄU VÔ SỞ LIỄU

*Liểu liểu liểu kiến vô nhất vật,
Diệc vô nhân hê diệc vô Phật.
Đại thiên sa giới hải trung âu,
Nhất thiết thánh hiền như điện phát.*

Dịch:

RÕ KHÔNG CHỖ RÕ

Rõ rõ rõ thấy không một vật,
Cũng không người chủ cũng không Phật.
Thế giới đại thiên bọt trong biển,
Tất cả thánh hiền như điện chớp.

*

XẢ HUYỄN CHỨNG CHÂN

*Pháp tánh viên minh thước thái hư,
Chỉ nhân vọng động kết thành khu.
Nhược năng tịnh tọa trừng thanh chiếu,
Thường tịch quang trung nhất vật vô.*

Dịch:

XẢ HUYỄN CHỨNG CHÂN

*Pháp tánh sáng tròn khắp thái hư,
Bởi vì vọng động kết thành thân.
Nếu hay tịnh tọa lóng trong sáng,
Trong thường tịch quang một vật không.*

*

CHÂN NGUYÊN TRẠM TỊCH

*Thiên địa phụ mẫu vị sanh tiên,
Tịch quang viên trạm thị chân nguyên.
Tự giác giác tha danh viết Phật,
Từ bi thuyết pháp lợi nhân thiên.
Vạn pháp không hoa giai bất thật,
Vị độ quần sanh giả lập quyền.
Liễu liễu bản lai vô nhất vật,
Chân nguyên trạm tịch phục hoàn nguyên.*

Dịch:

CHÂN NGUYÊN LẶNG LẼ

*Trời đất mẹ cha khi chưa sanh,
Tịch quang tròn lặng là chân nguyên.*

Tự giác giác tha gọi rằng Phật,

Từ bi thuyết pháp lợi trời người.

Muôn pháp không hoa đều chẳng thật,

Vì độ quần sanh tạm lập quyền.

Rõ rõ xưa nay không một vật,

Chân nguyên lặng lẽ lại hoàn nguyên.

***Nam-mô pháp thân trạm tịch viên đồng thái hư chân
không vô tướng Phật.***

Dịch:

**Nam-mô Phật pháp thân lặng lẽ tròn đồng thái hư chân
không không tướng.**

Phần Giảng Giải

Bài Nhân Duyên Ngô Đạo, nguyên bản chữ Hán là Ngô Đạo Nhân Duyên, tác giả là thiền sư Chân Nguyên đời Lê.

Ngài sanh năm 1647, tịch năm 1726, tức là giữa thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII, vào đời vua Lê Hy Tông. Ngài phát tâm xuất gia với thiền sư Chân Trú trên núi Yên Tử, được hiệu là Tuệ Đăng. Tuy ở chùa nhưng chưa ngộ đạo, nên ngài đi tìm thiện tri thức để học đạo. Một hôm ngài gặp thiền sư Minh Lương, đệ tử hòa thượng Chuyết Công, dòng Lâm Tế, ngài liền hỏi: “Bao năm đồn chứa ngọc trong đây, hôm nay tận mắt thấy thế nào, là sao?” Khi ấy thiền sư Minh Lương đưa mắt nhìn thẳng vào mặt ngài, ngài nhìn lại, ngay đó ngài ngộ đạo. Thế nên có câu “Tứ mục tương cố.”

Chúng ta học bài Nhân Duyên Ngô Đạo để thấy rõ ý nghĩa và sự diễn tả việc ngộ đạo của ngài. Nhưng giáo sư Hoàng Xuân Hãn có nghi xuất xứ của bài này, đọc qua đoạn đầu chúng ta sẽ thấy.

Kinh nói: “Chữa bệnh không thể nhất định, do trí khéo thi hành, thuốc không cố chấp toa, tùy nghi sử dụng.” Hòa thượng Tuệ Đăng hiển bày tâm tông của Phật, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Qua câu này giáo sư Hoàng Xuân Hãn nghi nếu là tác phẩm của ngài sao lại xưng Hòa thượng Tuệ Đăng, vì Tuệ Đăng là tên hiệu của ngài. Giáo sư cho rằng bài này do một vị khác viết nên mới nói “Hòa thượng Tuệ Đăng”, nhưng không ngờ đây là thói quen của ngài. Trong những quyển sách trị tất cả bệnh. Mỗi người bệnh có một thứ thuốc, bệnh khác nên thuốc phải khác. Nếu chấp một thứ thuốc trị tất cả bệnh, đó là thầy thuốc dở, trị không lành bệnh lại làm tăng bệnh. Dù thuốc hay đến đâu cũng chỉ có giá trị với loại bệnh xứng hợp, chứ không phải thuốc hay với người này rồi cũng hay với người kia. Hiện giờ có nhiều vị “lang băm” thấy thuốc nào trị vài người hết bệnh, liền cho là thuốc hay, xúi những người khác mua uống, đó là hại người. Cho nên tùy nghi tùy bệnh mà cho thuốc, chứ không phải bất cứ bệnh nào cũng chỉ dùng một thứ thuốc. Dù thuốc hay, thuốc

quý nhưng không phải trị lành tất cả bệnh. Thuốc không cố định, nên thầy thuốc *do trí khéo thi hành*, tức là khôn ngoan khéo léo, linh động chế biến chứ không phải ai ai cũng dùng một thứ thuốc giống như nhau.

Thuốc không cố chấp toa, tùy nghi sử dụng. Gặp khi bệnh nặng, thầy thuốc cho toa hợp với cơn bệnh. Khi bệnh giảm, mình nói toa thuốc hay quá rồi uống mãi toa thuốc đầu tiên thì không được. Giả sử bệnh sốt nặng, thầy thuốc cho toa, uống thuốc nhiệt độ xuống bình thường, khi đó mình cho là toa thuốc thật hay, nên uống thêm mãi thì có thể dẫn đến tử vong. Như vậy tùy theo bệnh, bệnh nặng thì dùng thuốc mạnh, nhưng qua cơn bệnh nặng rồi thì những toa sau phải nhẹ hơn, từ từ bệnh lành. Thế nên nói thuốc không cố chấp toa mà phải tùy nghi sử dụng, nghĩa là tùy theo trường hợp, tùy theo bệnh trạng mà dùng thuốc cho đúng.

Hòa thượng Tuệ Đăng hiển bày tâm tông của Phật, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Đây là ngài tự xưng. Ngài muốn hiển bày tâm tông tức là Thiên tông. Tại sao gọi Thiên tông là Tâm tông? Vì thiên luôn luôn chỉ thẳng bản tâm. Tông hay chủ đề, hay mục đích nhắm thẳng tâm, nên nói là Tâm tông. Đó là chỉ thẳng tâm người. Hiển bày tâm tông của Phật tức là hiển bày đường hướng Phật chỉ dạy về tâm. Thiên sư Chân Nguyên cũng chỉ thẳng cho mỗi người thấy được tâm của mình. Thấy tâm mình gọi là kiến tánh hay thấy tánh. Thấy tánh như thấy được cái nhân thì sẽ được thành Phật, nên gọi là *kiến tánh thành Phật*. Câu này nhiều người rất nghi. Kiến tánh là thấy được hay nhận ra bản tánh của mình thì thành Phật. Trong nhà thiên có nhiều thiên sư kiến tánh, sao chưa ai thành Phật mà chỉ gọi là Tổ? Thí dụ như ngài Ca-diếp cũng kiến tánh mà gọi là tổ Ca-diếp, ngài Huệ Năng cũng kiến tánh mà gọi là tổ Huệ Năng, chứ không gọi là Phật. Như vậy kiến tánh thành Phật là thế nào? Tôi thường thí dụ kiến tánh là nhận ra Phật nhân, còn thành Phật là Phật quả. Cũng như chúng ta muốn có cơm ăn, nếu được giống lúa tốt thì tin chắc rằng mình gieo trồng sẽ có lúa có gạo, có cơm ăn

không nghi. Như vậy có giống lúa tốt nhất định sẽ có cơm. Tuy nhiên nhất định không phải là cố định. Nếu khéo sử dụng đúng nguyên tắc, gieo trồng hợp pháp thì giống lúa sẽ trở thành cây lúa, có bông lúa có hạt lúa rồi sẽ có gạo có cơm. Nếu không phải từ giống lúa thì không bao giờ có cơm. Vì vậy chữ kiến tánh này dụ như chúng ta được giống lúa tốt và có sẵn đất tốt. Không phải nhận được giống lúa chúng ta có cơm ăn liền. Nhưng nếu chúng ta không có giống lúa mà muốn có cơm thì khó. Kiến tánh cũng như vậy. Người tu phải qua nhiều giai đoạn, nếu nhận ra bản tánh cho là xong thì ngài Trần Tôn Túc không nhắc: *Việc lớn chưa sáng như đưa ma mẹ, việc lớn đã sáng cũng như đưa ma mẹ*. Chưa sáng tức là chưa kiến tánh, chưa ngộ đạo thì phải nỗ lực, phải chuyên cần giống như đưa ma mẹ. Khi nhận ra bản tánh rồi cũng phải cần mẫn siêng năng mới có kết quả. Cũng như chưa có hạt giống phải ráng tìm cho ra giống, nhưng có hạt giống trong tay rồi cũng phải siêng năng cần mẫn mới có cơm ăn. Nếu khi tìm được giống rồi hài lòng không làm gì nữa, hoặc không biết gieo trồng, không cần mẫn săn sóc... thì không có cơm ăn.

Vì vậy giai đoạn thứ hai cũng gian nan không kém giai đoạn thứ nhất. Nhưng trong giai đoạn thứ hai, chúng ta được an lòng là nếu chịu khó gieo trồng chắc chắn sẽ có cơm ăn không nghi. Như vậy có giống là một chặng rất quan trọng trong công việc của người nông phu. Nhưng từ khi có giống đến khi có gạo, có cơm ăn cũng là quan trọng không kém. Hiểu như vậy người tu mới không lầm.

Tôi đã thấy có một số người tu lầm lẫn điều này, khi chưa tỉnh chưa giác thì buồn, ráng tu cho tỉnh giác. Khi được tỉnh giác rồi hài lòng, vui quá nên đi “nói dóc” hoài, rốt cuộc cũng không ra gì. Thế nên trong nhà thiền có nhắc: Ngộ đạo rồi chưa phải là đã thuần thực. Khi gặp duyên gặp cảnh, tức là tám gió thổi mà không lung lay, đó mới là thật, nghĩa là cái ngộ đã thấm nhuần từ da thịt vào tới xương tủy. Nếu mới ngộ ngoài da, tuy nói ngộ nhưng gặp cảnh thì động, không được thủy chung thích hợp nhau. Khi ngộ thấy mình và người không khác, mình với người là một tâm thể trùm khắp... Nhưng khi

người động đến bản ngã, mình nổi sân liên, có sân tức là có khác, đó là điểm hết sức tế nhị. Trong nhà thiền thường nói: Muốn biết người thật đến hay chưa, chỉ dùng tám gió thử. Quý vị nhớ khi nào tám gió thổi mà vẫn cười, đó mới là thứ thật. Còn nếu một ngọn gió thổi mà rung rinh thì chỉ mới phớt ngoài da, chứ chưa thấm đến xương tủy. Nói cho thật kỹ để nhiều khi quý vị hiểu lầm, vì chúng ta tu thì tự nhiên có những bước tiến, nhưng những bước tiến đó phải vào sâu đến xương tủy, nếu chưa được như vậy thì chưa tốt.

Bởi vì pháp giới vốn không chúng sanh, chúng sanh duyên nơi vọng kiến. Pháp là từng sự vật, giới là giới hạn. Pháp giới, trong nhà Phật thường gọi là pháp giới tánh, tức là thể tánh của tất cả pháp trong vũ trụ. Thể tánh đó vốn không có chúng sanh, nhưng tại sao có chúng sanh hiện nay? Vì do vọng kiến, duyên nơi vọng kiến mà có chúng sanh, chứ đứng về mặt pháp giới tánh thì không có chúng sanh.

Đạo Phật vốn không ngôn thuyết, ngôn thuyết là vì hữu tình. Đạo Phật chỉ thẳng tâm thể bất sanh bất diệt của chúng ta, tâm thể đó không có khởi nghĩ, không có dấy niệm. Sở dĩ có nói năng là vì có khởi nghĩ, mà tâm thể đó không động làm gì có khởi? Không khởi nghĩ, không dấy niệm làm sao có ngôn thuyết? Nhưng vì chúng hữu tình mê muội, nên từ chỗ vô ngôn mà dấy lên ngôn thuyết để giáo hóa chúng hữu tình. Như thế chúng ta mới hiểu tại sao các thiền sư khi có người đến hỏi đạo, các ngài ngồi im không nói. Không nói là có nói chưa? Vì đạo vốn là vô ngôn, không nói tức là chỉ thẳng thể Phật bất động, bất sanh bất diệt. Nhưng hỏi mà không được trả lời là điều chúng ta không vui, không chấp nhận. Cho nên các ngài buộc lòng phải nói, nhưng nói thì mất cái gốc rồi.

Đến như chân như là bình đẳng, vốn không chư Phật và chúng sanh, há có văn tự và ngôn thuyết? Thể chân như bình đẳng không có đối đãi nên không có Phật và chúng sanh. Trong chỗ không đối đãi thì làm gì có văn tự ngôn thuyết, bởi văn tự ngôn thuyết lập cước trên pháp đối đãi.

Cho nên ngôn thuyết đều là đối với vọng tưởng của chúng sanh, việc bất đắc dĩ mà có ngôn thuyết. Như vậy tất cả ngôn thuyết là việc bất đắc dĩ, vì chúng ta vọng tưởng nhiều, buộc lòng Phật phải nói pháp này pháp kia để đối trị. Nếu chúng ta không điên đảo vọng tưởng thì Phật không nói pháp gì cả.

Do chúng sanh có các thứ vọng tưởng, nếu chẳng tùy cơ đặt giáo pháp thì không có giáo pháp. Vì vọng tưởng của chúng ta có nhiều loại, nên đức Phật tùy theo đó mà đặt ra giáo pháp thích hợp, gọi là tùy cơ đặt giáo pháp. Thí dụ chúng ta nóng giận nhiều thì Phật giảng từ bi nhẫn nhục để chúng ta bớt nóng giận. Nếu chúng ta tham lam nhiều, Phật dạy phải quán pháp vô thường hoặc phải tập hạnh bố thí v.v... Như vậy mỗi một bệnh của chúng sanh, Phật chỉ ra nhiều pháp để đối trị, ai thích hợp pháp nào thì dùng pháp đó, nên nói do các thứ vọng tưởng đức Phật mới tùy cơ, nếu không tùy cơ đặt giáo pháp thì không có pháp của Phật. Như vậy có pháp thì có Phật, nếu không pháp thì không Phật. Cho nên đây mới nói:

Không Pháp thì không Phật, không Phật thì không Tăng. Tam bảo đều không thì ai vì nói pháp, nói pháp cho ai? Như vậy pháp của Phật nói ra là tùy theo căn cơ, tùy theo chứng bệnh của mỗi chúng sanh. Pháp đó xuất phát từ đức Phật, như vậy có pháp là có Phật. Có Phật nên Phật mới dạy đệ tử xuất gia tu hành, tức có tăng, đó gọi là Tam bảo: Phật pháp tăng. Nếu không có Tam bảo thì không có người nói pháp và cũng không có ai nghe pháp. Nhưng điểm này có người nghi, nói rằng pháp là do Phật nói, như các kinh điển chúng ta học, vậy tại sao trong kinh có câu: “Pháp tam thế chư Phật chi mẫu,” nghĩa là Pháp là mẹ của ba đời chư Phật? Như vậy là pháp sanh ra Phật, tại sao đây nói Phật nói ra pháp? Vậy Phật có trước hay pháp có trước? Trả lời câu hỏi này chúng ta phải chia ra làm hai phần. Pháp này là chỉ cho pháp tánh. Thí dụ như nhà cửa núi sông, người vật trên thế gian, mỗi cái riêng biệt, đó gọi là pháp. Nhưng mỗi cái đó đều do nhân duyên tụ hội mà thành, do duyên hợp thành thì không có cái thể chân thật. Đức Phật ngộ được lý nhân duyên,

tức là ngài thấy được pháp tánh, thấy được pháp tánh thì thành Phật. Như vậy pháp tánh có trước Phật hay Phật có trước pháp tánh? Pháp tánh là thể đương nhiên của muôn sự môn vật, có sự vật là có nó. Pháp tánh là cái muôn đời, mà tất cả chúng ta không hiểu không thấy, đến khi Phật tu, tâm ngài trong sáng, ngài nhận ra, ngài thấy rõ tánh đó thì gọi là ngộ đạo. Từ pháp tánh ngài ngộ đạo thành Phật, vậy pháp tánh là trước, pháp tánh đó là mẹ chư Phật. Đó là pháp có trước, Phật có sau. Còn pháp mà chúng ta nghe, chúng ta học từ kinh điển hiện nay là pháp sau khi Phật ngộ, ngài thấy biết đúng lẽ thật, đem điều đó trình bày cho người sau hiểu biết thì gọi là pháp do Phật nói, đó là pháp sau Phật, Phật trước pháp sau. Như vậy chúng ta không nghi ngờ có chỗ nói pháp có trước Phật có sau, có chỗ nói Phật có trước pháp có sau. Đó là tùy theo mỗi phương diện mà nhìn. Đúng về pháp tánh thì pháp có trước Phật có sau, đúng về Phật thuyết tức nhiên Phật có trước pháp có sau. Như vậy mới hiểu được ý nghĩa trong kinh không lầm.

Thế là không có người nói pháp, không có chúng nghe pháp, tức là nếu không có Tam bảo thì không có người nói pháp và cũng không có chúng sanh nghe pháp.

Song sau này có pháp để nói, tức là giáo pháp từ duyên mà dựng lập, đều là nắm lá vàng dỗ con nín khóc thì có thật sao? Sau này có pháp để nói tức là đức Phật có pháp giảng dạy chúng ta, pháp đó là pháp từ duyên mà dựng lập nên giống như nắm lá vàng dỗ con nín khóc. Tại sao? Trong kinh kể: Một bà mẹ xách giỏ đi chợ, đứa con nhỏ thấy liền khóc lên đòi theo. Người mẹ thấy có mấy chiếc lá vàng rơi dưới đất, bà lượm nắm trong tay dụ: Nín đi con, má cho bánh đây. Nghe nói bánh nó mừng quá nín khóc ngay, bà mẹ mở tay ra, chỉ có lá vàng không có bánh. Như vậy muốn cho con nín nín khóc, nắm lá vàng gọi là bánh, đánh lừa cho nó mừng không còn khóc nữa. Cũng vậy, tất cả giáo pháp Phật là phương tiện giúp chúng sanh bớt khổ, chứ không có lẽ thật. Pháp nói ra là tương đối, không phải cứu cánh, nên nói từ duyên mà dựng lập đều là nắm lá vàng dỗ con nín khóc

thì có thật sao? Như trong kinh Phật dạy người nóng giận nhiều phải tu quán từ bi. Vì có tâm thương người thì mình không bực bội, không giận tức khi họ làm những điều sai trái. Thương thì ít giận, giận thì ít thương. Thế nên Phật dùng pháp quán từ bi để dạy những người nóng giận nhiều, quán như vậy mãi tâm nguôi dần không còn nóng giận nữa. Nhưng với người ái dục nhiều, bảo họ quán từ bi thì không được vì sẽ thêm bệnh. Chúng ta thấy không phải pháp của Phật ai cũng ứng dụng được, nghĩa là tùy theo bệnh mà dùng thuốc, có thuốc dùng cho bệnh này thì đúng còn bệnh khác thì sai. Như vậy pháp của Phật là phương tiện trị bệnh cho chúng sanh chứ không phải là cứu cánh.

Tôi cũng đã nhắc nhiều lần câu chuyện: Khi xưa Phật dạy các thầy Tỷ-kheo quán thân bất tịnh, quán mãi rồi các ngài thấy thân nhớp quá chịu không nổi, thấy như đi đâu cũng mang theo một đày da hôi thối nên năn nỉ nhờ người cắt cổ giùm rồi tặng hết y bát, trong một lúc chết đến mấy mươi Tỷ-kheo. Đến ngày bố-tát, Phật kiểm lại thấy chư tăng vắng nhiều, Phật hỏi, các Tỷ-kheo thuật lại việc trên nên Phật quả: Ta dạy các ông quán bất tịnh là trị bệnh ái dục, nếu bệnh ái dục hết thì phải quán tịnh lại. Các ông không quán tịnh lại đi tự tử, đó là chấp thuốc thành bệnh. Như vậy chúng ta thấy pháp của Phật không cố định, tùy trường hợp bệnh nặng thì phải dùng pháp mạnh để trị, đến khi bệnh hết phải đổi pháp khác... Cũng như tôi đã nói khi bệnh sốt quá phải dùng thuốc trị cho hạ nhiệt, nhưng khi sốt hạ rồi phải đổi thuốc khác, không thể uống mãi thuốc đó. Vì vậy giáo pháp Phật chúng ta xem như khuôn vàng thước ngọc, nhưng thật ra Phật thấy giáo pháp ngài là phương tiện trị bệnh cho chúng sanh như các thứ thuốc trị bệnh cho người. *Tùy bệnh dữ được* là theo bệnh mà cho thuốc, không phải có cái cố định, nên mới dùng hình ảnh nắm lá vàng rồi con nít khóc. Lại trong kinh khác thí dụ pháp Phật giống như ngón tay chỉ mặt trăng hoặc như chiếc bè đưa người qua sông. Nghĩa là nó chỉ là phương tiện dùng một lúc để giải quyết sự khó khăn khổ sở của chúng ta, khi qua rồi phải bỏ chứ không giữ mãi đòi đòi. Người tu cũng vậy, khi mới tu tôi dạy số tức nghĩa là

đếm hơi thở. Nếu nói đếm hơi thở mãi đến thành Phật có được không? Đếm hơi thở một lúc được yên thì bỏ để qua theo hơi thở, theo hơi thở được yên thì bỏ để qua biết vọng không theo... Mình phải chuyển từ thô lẫn đến tế, tu Phật là như vậy. Không phải chỉ một bề nghe nói pháp gì đó rồi đeo đẳng suốt kiếp mà không biết tùy lúc từ cái thô của vọng tưởng đến cái tế của vọng tưởng, đến khi hết vọng tưởng cũng không biết thì điều đó không được. Cho nên trong nhà thiền nói rằng nếu không khéo thì dầu lại thêm dầu, tức là tới chỗ thật rồi mà cứ tìm thêm cái thật. Vì vậy đến chỗ thật rồi không cần tìm cái thật nữa. Đó là tôi nói cho quý vị hiểu rộng một chút chứ không thì dễ nghi ngờ.

Người ngu còn có thể nhiều kinh nhiều thuyết, người trí thì chưa dứt tiếng hét tiếng cười đã chóng ngộ tự tánh. Như vậy chắc chúng ta đều trong bọn người ngu nên mới cần nhiều kinh nhiều thuyết, chứ người trí nghe một tiếng hét hoặc một tiếng cười là ngộ tự tánh của mình. Nói đến tiếng hét tiếng cười tôi dẫn thí dụ, như có người đến hỏi ngài Lâm Tế: Thế nào là Phật? Ngài hét lên một tiếng. Nếu là người sáng nghe tiếng hét liền ngộ, liền thấy Phật, còn người ngu thì giạt mình, bỏ đi. Đó là chỗ ngu với trí. Một tiếng cười ngộ đạo, như câu chuyện thiền sư Thủ Đoan ở Bạch Vân. Sư là đệ tử Úc Sơn Chủ ở Trà Lăng. Úc Sơn Chủ cưỡi ngựa qua cầu ván, con ngựa sập chân, ngài té, nhân đây ngộ đạo làm một bài kệ khá hay, Sư thuộc lòng. Khi Sư đến tham vấn Dương Kỳ, Dương Kỳ hỏi:

- Ta nghe thầy ông qua cầu bị té có tỉnh, làm một bài kệ kỳ đặc, ông có nhớ chăng?

Sư liền đọc thuộc lòng bài kệ, đọc xong thiền sư Dương Kỳ cười lên một tiếng. Sư thắc mắc tại sao bài kệ của thầy mình hay như vậy mà Hòa thượng lại cười, cười có nghĩa là chế nhạo, thành suốt đêm Sư không ngủ được. Sáng hôm sau Sư đến bạch:

- Hôm qua con đọc bài kệ có chỗ nào sai lầm mà Hòa thượng cười?

Dương Kỳ bảo:

- Người có thấy mấy người hát Sơn Đông ngoài đường không?

Sư thừa: - Thấy.

Dương Kỳ bảo: - Người còn thua y một bậc.

Sư lấy làm lạ thưa: - Ý chỉ thế nào?

- Y thích người cười, người sợ người cười.

Nghe câu đó Sư liền đại ngộ. Như vậy chỉ một tiếng cười mà ngộ được đạo. Còn chúng ta hiện nay, cười cũng không ngộ, hét cũng không ngộ. Vậy mới thấy chúng ta thuộc hạng tối quá.

Ngài nói kệ:

Hữu thuyết giai thành báng,

Vô ngôn diệt bất dung.

Vị quân thông nhất tuyến,

Nhật xuất lĩnh đông hồng.

Tôi nhắc lại, Nhân Duyên Ngộ Đạo là nói thẳng tất chỗ ngộ đạo của các thiền sư, nên có thể rất khó so với những bài học trước. Bài kệ này chỉ thẳng chỗ để chúng ta ngộ. Tôi dịch:

Có thuyết thành nhạo báng,

Không lời cũng chẳng xong.

Vì anh vạch một lối,

Trời lên núi đông hồng.

Có thuyết thành nhạo báng, phàm có nói năng là nhạo báng, không phải chân lý, không phải chỗ cứu cánh. *Không lời cũng chẳng xong*, tức là làm thình cũng không được. Như vậy nói là chê bai nhạo báng, làm thình cũng không được. Cả hai nói và nín đều không được, vậy phải làm sao?

Vì anh vạch một lối,

Trời lên núi đông hồng.

Buổi sáng mặt trời lên, nhìn trên những núi ở phương đông thấy ánh sáng dường như có màu hồng, màu vàng ửng. Như vậy là vạch một lối cho chúng ta đi. Không phải nói, không phải nín, nói trập nín sai, chỉ có thấy mặt trời lên, núi phía đông sáng hồng. Đó là một lối, lối gì? Có phải là cửa mà ngài Chân Nguyên vào không? Nhìn thấy núi phía đông khi mặt trời lên chiếu sáng hồng, đó là một lối chỉ cho chúng ta ngoài nói và nín. Ai lanh lợi thì thấy, còn không lanh lợi thì để dành, chứ tôi không còn ngôn thuyết nào nói được.

Trong kinh Lăng-già quyển hai, Phật bảo Bồ-tát Đại Huệ: Chẳng phải tất cõi nước có ngôn thuyết. Ngôn thuyết là tạo tác. Hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp, hoặc có cõi tạo hình tướng, hoặc có cõi nhướng mày, hoặc có cõi chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng háng, hoặc nghĩ cõi nước, hoặc dao động. Ngài dẫn kinh Lăng-già để chứng minh không phải tất cả cõi nước chư Phật đều dùng ngôn thuyết để giảng dạy như đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà. Vì sao? Vì ngôn thuyết thuộc về tạo tác, cho nên *hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp*, nghĩa là chỉ nhìn liền thấy được pháp. *Hoặc có cõi tạo hình tướng*, nghĩa là làm ra hình tướng thì liền hiểu được giáo pháp. *Hoặc có cõi nhướng mày, hoặc có cõi chớp mắt*, trong cái nhướng mày chớp mắt liền hiểu được pháp. *Hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc tăng háng*, có cõi gập nhau cười hoặc ngáp thì hiểu được pháp, có cõi nghe tiếng tăng háng liền hiểu được pháp. *Hoặc nghĩ cõi nước, hoặc dao động*, là tưởng ra cõi nước như hiện nay có nhiều vị tu quán cõi Cực lạc có hồ sen hoa sen v.v... hoặc thấy một cái dao động như giờ tay... thì liền biết được pháp. Chỗ này thấy khó hiểu, vì ở cõi chúng ta do nghe nói mà hiểu đạo chứ không thể nào do những cái khác. Nhưng thật ra trong nhà thiên đều có những hiện tượng đó, nghĩa là không phải tất cả đều do ngôn thuyết. Như trường hợp ngài Chân Nguyên chỉ do nhìn liền ngộ đạo chứ không phải do ngôn thuyết. Cũng như trong hội Linh Sơn, đức Phật Thích-ca đưa cảnh hoa sen lên, nhìn ngài Ca-diếp, ngài Ca-diếp nhìn Phật, ngay đó ngài ngộ. Thế nên nói hoặc có cõi Phật nhìn xem mà hiển bày pháp, đây là trường hợp thứ nhất. Hoặc cười liền ngộ đạo như trường hợp

thiền sư Thủ Đoan ở Bạch Vân v.v... Vậy chúng ta đừng đem ngôn thuyết của đức Phật Thích-ca ở cõi này làm tiêu chuẩn cho tất cả cõi khác, vì các cõi Phật có sự sai biệt nhau. Hiện nay chúng ta đừng nghĩ có dạy mới ngộ, có giải mới hiểu. Có người chỉ nhìn là hiểu rồi ngộ, có người nghe cười là hiểu rồi ngộ, có người nhìn thấy hoa đào nở liền ngộ, có người chợt nghe tiếng sỏi chạm cây trúc liền ngộ v.v... Như vậy ngay trong cõi này không biết bao nhiêu sai biệt trong sự ngộ đạo. Ngộ đạo tức là thấy pháp.

Đại Huệ! Như thế giới Chiêm Thị và Hương Tích, cõi nước Phổ Hiền Như Lai chỉ do nhìn xem khiến các Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn và các tam-muội thù thắng. Thế nên chẳng phải ngôn thuyết có tánh, có tất cả tánh. Đức Phật dẫn chứng: Như ở thế giới Chiêm Thị, *Chiêm Thị* là nhìn xem, nhìn xem liền ngộ đạo. Còn cõi nước *Hương Tích* thì ăn cơm liền ngộ đạo. Nếu chúng ta được lên cõi *Hương Tích* chắc là khỏe lắm, nghĩa là khi nào muốn ngộ đạo thì ăn cơm, ngay mùi cơm thơm liền ngộ đạo, không cần tu hành gì cả. *Cõi nước Phổ Hiền* cũng vậy, nhìn thấy cõi nước ngài sáng rõ bằng lưu ly pha lê liền ngộ đạo, chứng được vô sanh pháp nhẫn và các tam-muội thù thắng.

Cho nên đừng bảo rằng ngôn thuyết là cố định. *Có tánh* là có cố định, *có tất cả tánh* tức là không có cố định gì cả. Ngôn thuyết chỉ là phương tiện, không phải cố định. Hiện nay chúng ta tu về ngôn thuyết hay về cái gì? Như khi quý vị ngồi thiền yên tĩnh lặng lẽ, thấy niệm khởi. Khi niệm lặng bất thân quý vị sáng ra, thì sáng ra là từ ngôn thuyết hay từ cái gì? Đâu phải từ ngôn thuyết, nếu từ ngôn thuyết là sáng tưng kinh, chiều tưng kinh. Còn tâm thanh tịnh lặng lẽ rồi được sáng đạo, đó không phải là ngôn thuyết. Thế nên đừng nghĩ phải là ngôn thuyết mới ngộ đạo.

Phật lại bảo Bồ-tát Đại Huệ: “Thấy thế giới này có các loài ruồi, muỗi, trùng kiến, chúng nó không có ngôn thuyết mà mỗi loài đều làm xong việc.” Phật dẫn, như thế giới chúng ta hiện đang sống, loài kiến có nói gì đâu mà chúng tổ chức có kiến chúa, kiến thợ làm tổ,

kiến đi kiếm mồi v.v... Tuy chúng không nói mà vẫn biết tổ chức làm xong việc. Các loài côn trùng khác như ong, ruồi, muỗi v.v... cũng không ngôn thuyết mà cũng có tổ chức, biết làm những việc cần thiết trong cuộc sống của chúng.

Cho nên Thế Tôn dùng những căn cơ này mà thay cho thuyết pháp. Thế là sáu căn đều có thể thuyết pháp, đâu hẳn mượn miệng lưỡi thốt ra âm thanh mới là thuyết pháp. Ngài kết luận là sáu căn đều thuyết pháp, không phải dùng miệng lưỡi nói ra lời mới gọi là thuyết pháp. Quý vị nghĩ sáu căn có thể thuyết pháp không? Thí dụ có người hỏi thế nào là đạo, quý vị đưa tay lên, hoặc tỏ một hành động, nếu ai nhân hành động đó mà ngộ đạo thì đó là thuyết pháp bằng thân căn. Hoặc như có người hỏi đạo, chúng ta nhướng mày lên, người đó ngộ, đó là thuyết pháp bằng căn gì? Như vậy đến chỗ ngộ không phải chỉ do nói. Tôi nói đây không phải tưởng tượng, trên thực tế quý vị thấy đâu phải tất cả đều do miệng nói. Thí dụ như chúng ta nói lời dữ thì người giận, nhưng nếu ai đi ngang, chúng ta liếc mắt hoặc nhìn có vẻ không dễ thương thì người cũng giận. Cũng không phải chúng ta nói lời hiền hòa người mới thương, mà có khi nhìn với đôi mắt hiền hòa người ta cũng thương. Như vậy đâu phải có lời nói ra người mới biết, mà chỉ ánh mắt nhìn người cũng biết rồi. Có khi hành động hoặc dáng đi của chúng ta cũng làm người ghét hoặc người thương. Đâu phải chỉ có lời nói, mà các căn của chúng ta cũng có đủ điều kiện để tạo sự thương ghét nơi mọi người, nhưng những điều chúng ta tạo ra thì tâm thường, khác với các thế giới kia.

Vì thế hằng ngày nơi cửa sáu căn của chúng sanh đều là nơi nhập lý. Nơi sáu căn đều là nơi nhập lý, nên có vị chỉ cần một luồng gió thổi mát cũng ngộ đạo, có vị thấy hoa đào liền ngộ đạo, có vị nghe tiếng động cũng ngộ đạo, có vị nghe tiếng hét cũng ngộ đạo, có vị thấy làm thình cũng ngộ đạo... hoặc bạo một chút như Mã Tổ đập cho một cái cũng ngộ đạo. Như vậy đâu chỉ một việc nói pháp mới ngộ đạo, nơi sáu căn đều có thể là cửa nhập lý, nghĩa là chúng ta tu đến lúc chín muồi rồi thì cái gì cũng có thể làm cơ hội cho chúng ta ngộ.

Do đó ba đời chư Phật bốn mắt nhìn nhau, ba đời chư Phật bốn mắt nhìn nhau liên ngộ đạo. Sáu đời tổ sư thối thân có phần, nghĩa là bước lùi lại một cái là ngộ đạo.

Tuy nhiên như thế, Niết-bàn không hai đường, phương tiện có nhiều cửa. Niết-bàn thật ra không có hai lối, nhưng phương tiện thì có nhiều cửa, hoặc đi cửa này hoặc đi cửa kia. Bước vào nhà Niết-bàn không có hai, mà có hai ba bốn... đó là từ cửa. Tôi thường thí dụ như ở trong nhà có thắp một ngọn đèn điện sáng. Nếu nhà đó có sáu cửa thì người đứng ngoài nhìn vào sáu cửa đều thấy có ánh sáng phát ra. Như vậy nhân ánh sáng nơi sáu cửa, chúng ta biết trong nhà có ngọn đèn. Từ sáu cửa, người thích đi cửa này người thích đi cửa kia để bước vào nhà, nhưng khi vào trong nhà thì ngọn đèn chỉ là một. Ánh sáng từ sáu cửa thấy dường như sáu, nhưng thật là từ một ngọn đèn. Đó là để nói chúng ta đạt được lý đạo không phải chỉ có ngôn thuyết mà có thể do nhiều phương tiện.

Vì vậy Phật nói Đại thừa Tiểu thừa, kinh có Đốn giáo Tiệm giáo. Phật nói có pháp Đại thừa, Tiểu thừa, còn kinh thì có Đốn giáo, Tiệm giáo. Đại thừa, Tiểu thừa là những từ ngữ khi xưa dùng, hiện nay không còn thích hợp nữa. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay dùng từ ngữ Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo Phát triển hay Bắc tông. Những kinh ngày xưa gọi là kinh Đại thừa nay nói là kinh Bắc tông hay kinh Phát triển. Cùng tu theo đạo Phật nhưng pháp tu có sai biệt, chúng ta đừng vì sự giản trạch sai biệt mà cho bên kém bên hơn. Chúng ta nhiều khi có bệnh gặp ai cũng hỏi Thầy tu theo phái nào của Phật giáo? Hoặc nói tôi tu theo Đại thừa, vị kia tu theo Tiểu thừa v.v... Nói Đại thừa nhưng nếu tu lười thôi không ra gì thì cũng không có giá trị. Còn tu theo Tiểu thừa mà tu đến nơi đến chốn vẫn có giá trị. Như vậy ai hơn? Từ ngữ Đại thừa Tiểu thừa không phải cố định, mà nhiều khi chúng ta chấp thành cố định. Nghĩa là người nào tu hay, có tâm hồn cao thượng thì tốt, người nào tu dở, tâm hồn ích kỷ thì không tốt.

Kinh có Đốn giáo, Tiệm giáo, đốn là nhanh chóng, tiệm là thứ lớp, từ từ. Giáo lý dạy tu nhanh chóng gọi là đốn giáo, giáo lý dạy tu từ từ gọi là tiệm giáo. Những bộ kinh chỉ thẳng chúng ta có tánh giác, cho chúng ta thấy rõ nơi mình sẵn có ông Phật, tu hành thành Phật như những kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Lăng-già thuộc đốn giáo. Tiệm giáo là những kinh chỉ chúng ta diệt hết phiền não, từ từ sẽ ngộ đạo như các bộ kinh A-hàm.

Chẳng nhờ ngón tay chỉ thì đâu thể thấy mặt trăng, chỉ được cá mới có thể quên nơm. Lời nói này đặc biệt vì kẻ sơ cơ. Ngài dùng những hình ảnh để thí dụ. Trong kinh Viên Giác, Phật bảo lời Phật dạy như ngón tay chỉ mặt trăng. Muốn thấy mặt trăng chúng ta phải nương theo ngón tay, nếu không thì không thể thấy mặt trăng. Đêm rằm trăng sáng vàng vạc, chúng ta không cần ngón tay chỉ. Nhưng trong bài là nói trường hợp đêm mùng ba đến mùng sáu, những đêm đó mặt trăng lưỡi liềm nhỏ, ở xa, có người không thấy. Chúng ta thấy mới chỉ cho người. Nhìn theo hướng ngón tay chỉ, người thấy được mặt trăng. Như thế không phải mặt trăng ở tại đầu ngón tay mà nương ngón tay để thấy mặt trăng. Cũng vậy chúng ta nương kinh Phật để thấy chân lý. Thế nên lời nói chữ viết trong kinh chỉ là phương tiện giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Mặt trăng dụ cho chân lý. Chúng ta không chấp ngón tay là mặt trăng vì đó là sai lầm, nhưng chúng ta cũng không thể bỏ ngón tay mà thấy được mặt trăng. Thế nên nương ngón tay để thấy mặt trăng là người khôn.

Chỉ được cá mới có thể quên nơm, thí dụ này rất cổ. Thuở xưa người ta đi nơm cốt bắt cá, khi được cá mới có thể bỏ nơm xách cá về. Được cá là dụ cho ngộ đạo, nơm là dụ cho phương tiện. Nghĩa là khi ngộ đạo rồi chúng ta mới bỏ phương tiện. Còn chưa ngộ đạo mà bỏ phương tiện là sai, không được kết quả. Cho nên nói: *Lời nói này đặc biệt vì kẻ sơ cơ.* Tóm lại, nói được cá quên nơm hay nương ngón tay để thấy mặt trăng là vì kẻ sơ cơ.

Nếu bậc mắt sáng nào ngại một tiếng cười, không truyền mà truyền, không được mà được, lấy cái không chỗ được ấn chúng Bồ-

đề. Mắt sáng là ngộ đạo. Người ngộ đạo rồi thì chỉ một tiếng cười, không truyền pháp gì cả mà đó là đã truyền, không được pháp gì cả mà đó là đã được. *Lấy cái không chỗ được ấn chứng Bồ-đề*. Được mà không chỗ được, lấy cái đó ấn chứng Bồ-đề. Tại sao được mà không chỗ được? Những từ ngữ này nghe thật khó hiểu. Tôi thường thí dụ tôi đi đường thấy ai rớt cây viết tôi lượm và nói tôi được cây viết. Cây viết là một vật ở ngoài, tôi nắm được nó thì nói tôi lượm. Còn tánh giác Phật tổ truyền cho chúng ta nó ở đâu? Nó là vật ngoài chúng ta hay ở ngay nơi chúng ta? Ngay nơi chúng ta tức là của mình mà mình quên, nên Phật tổ mới chỉ, mình nhận ra nên nói mình được. Được của mình thì được mà không được. Nói *vô sở đắc*, không có chỗ được vì nó là của mình. Cây viết là cái sở đắc vì nó ở ngoài. Như thế chúng ta hiểu rõ câu: “Dĩ vô sở đắc cố...” trong kinh Bát-nhã. Vì không có sở đắc nên Bồ-tát chứng được đạo quả.

Tu Phật là nương theo lời dạy của Phật để ứng dụng dẹp phiền não vọng tưởng. Phiền não vọng tưởng dứt thì tánh giác hiện ra. Thấy tánh giác thì gọi là được chứ thật ra không được cái gì hết, được của mình thì được mà không được. *Không truyền* vì đâu có cái gì mà truyền trao. Thường nói truyền là Phật hay tổ truyền y bát. Y bát ở ngoài trao cho đệ tử, đó là truyền, còn thầy nhận mình có tánh giác, chỉ cho đệ tử nhận được tánh giác thì đâu có cái gì truyền trao nên nói *không truyền mà truyền*. Lấy cái không chỗ được ấn chứng Bồ-đề, chính chỗ không chỗ được đó mà mình ngộ được Bồ-đề.

Thế Tôn đưa cành hoa, tổ Ca-diếp mỉm cười, học giả cần phải biết đồng một tánh vậy. Phật đưa cành hoa, tổ Ca-diếp nhìn rồi mỉm cười, như vậy Phật truyền tâm ấn cho tổ Ca-diếp là truyền cái gì? Chỉ là sự cảm thông nhau. Phật muốn chỉ cái đó nơi ngài Ca-diếp nên đưa cành hoa, Ca-diếp nhìn biết Phật muốn chỉ cái sẵn của mình liền mỉm cười, đó là cảm thông, đó là được truyền tâm ấn nên nói không truyền mà truyền là vậy.

拈心花偈

1. 釋迦出世大因緣

迦葉投機得印傳
拈花微笑儼然在
奕葉芬芳徧大千

NIÊM TÂM HOA KỆ

*Thích-ca xuất thế đại nhân duyên,
Ca-diếp đầu cơ đặc ấn truyền.
Niêm hoa vi tiểu nghiêm nhiên tại,
Dịch diệp phân phương biến đại thiên.*

Dịch:

KỆ ĐƯA HOA TÂM

*Thế Tôn xuất hiện đại nhân duyên,
Ca-diếp hợp cơ được ấn truyền.
Đưa hoa cười mỉm vẫn còn đây,
Hương ngát đời đời khắp đại thiên.*

Niêm Tâm Hoa Kệ là kệ đưa hoa tâm, chỉ hình ảnh đức Phật đưa cành hoa trên hội Linh Sơn, dưới đại chúng ngài Ca-diếp nhìn lên thấy liền mỉm cười.

Thế Tôn xuất hiện đại nhân duyên, đức Phật ra đời vì có đại sự nhân duyên. Đại sự nhân duyên là gì? Là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến hay tánh giác.

Ca-diếp hợp cơ được ấn truyền, ngài Ca-diếp nhìn hoa sen, do ngài ứng hợp với chỗ Phật muốn chỉ nên ngài liền được truyền tâm ấn.

Đưa hoa cười mỉm vẫn còn đây, hình ảnh đức Phật đưa cành hoa, tổ Ca-diếp mỉm cười đến nay vẫn còn đó không mất.

Hương ngát đời đời khắp đại thiên, nơi nơi chốn chốn đều được hưởng hương vị của việc tâm truyền. Hình ảnh truyền tâm từ buổi ban đầu đức Phật đưa cành hoa sen lên, tổ Ca-diếp hợp cơ cảm ứng

liền được truyền tâm ấn, hình ảnh đó mãi đến ngày nay vẫn còn. Ngày xưa chỉ có đức Phật với ngài Ca-diếp, mà nay nơi nào chốn nào cũng có hình ảnh đó đem lại sự an lành tốt đẹp cho nhiều người.

2.

拈花微笑旨傳來

正法從茲處處開

電捲風馳休擬議

德山臨濟喝如雷

Niêm hoa vi tiếu chỉ truyền lại,

Chánh pháp từng tư xứ xứ khai.

Điện quện phong trì hựu nghi nghị,

Đức Sơn Lâm Tế hát như lôi.

Dịch:

Đưa hoa cười mỉm chỉ truyền đây,

Chánh pháp từ nay chốn chốn bày.

Điện cuốn gió đùa thôi nghi tính,

Đức Sơn Lâm Tế hét vang tại.

Đưa hoa cười mỉm chỉ truyền đây, Chánh pháp từ nay chốn chốn bày. Đức Phật đưa hoa sen, tổ Ca-diếp mỉm cười. Tông chỉ ấy truyền mãi đến ngày nay, chánh pháp đó từ xưa đến nay, khắp nơi đều hiển bày. Ở Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên v.v... đều còn hình ảnh đó và đều truyền bá tâm tông này.

Điện cuốn gió đùa thôi nghi tính. Lối truyền đó nhanh như điện chớp, như gió đùa, đừng dùng tâm nghi nghị tính toán. Nghĩa là một câu nói, một hành động mà chúng ta không theo kịp, hay là không bắt được thì nó đi mất, cho nên: *Đức Sơn Lâm Tế hét vang tại.* Một tiếng hét của Đức Sơn, một tiếng hét của Lâm Tế đủ cho chúng ta ngộ đạo, còn nếu mình chậm thì không bao giờ thấy, không bao giờ nhận ra được.

3.

靈山會上拈花日
迦葉親傳向上機
從此慧燈光顯赫
普天大地滿長輝

*Linh Sơn hội thượng niêm hoa nhật,
Ca-diếp thân truyền hướng thượng ky (cơ).
Tùng thủ tuệ đăng quang hiển hách,
Phổ thiên đại địa mãn trường huy.*

Dịch:

*Trên hội Linh Sơn giở cành hoa,
Thân truyền Ca-diếp nhằm thượng cơ.
Đèn tuệ từ đây càng rực rỡ,
Đất trời đầy khắp mãi sáng lò.*

Qua bài kệ chúng ta thấy rõ ràng lặp đi lặp lại ý nghĩa đức Phật đưa cành hoa tổ Ca-diếp mỉm cười, đó là tinh thần Thiên tông từ thuở đức Phật Thích-ca truyền mãi đến ngày nay. Đường lối Phật đưa cành hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười là nhằm vào hàng thượng cơ. Khi người thượng cơ ngộ được rồi thì từ đó sẽ là ngọn đèn, là cây đuốc trí tuệ soi sáng cho mọi người, nên nói *Đèn tuệ từ đây càng rực rỡ*. Rực rỡ đến đâu? *Đất trời đầy khắp mãi sáng lò*, khắp nơi khắp chốn đâu đâu cũng sáng ngời.

Tóm lại ba bài kệ trên là nhắm thẳng việc đức Phật đưa cành hoa sen, tổ Ca-diếp mỉm cười, đó là ngộ được tâm nhân thấy cành hoa, nên gọi là kệ đưa hoa tâm.

密授心燈

一點心燈佛眼生
相傳四目顧分明

聯芳續焰光無盡

普付禪林授有情

MẬT THỌ TÂM ĐĂNG

Nhất điểm tâm đăng Phật nhãn sinh,

Tương truyền tứ mục cố phân minh.

Liên phương tục diệm quang vô tận,

Phổ phó thiên lâm thọ hữu tình.

Dịch:

THÂM TRAO ĐÈN TÂM

Một ngọn đèn tâm mắt Phật sinh,

Đồn rằng bốn mắt ngó phân minh.

Tiếp hương nối lửa sáng không dứt,

Trao khắp rừng thiên chúng hữu tình.

Bài trên chỉ nói Phật đưa cành hoa, tổ Ca-diếp mỉm cười, bài này nói thêm mắt Phật nhìn xuống, ngài Ca-diếp nhìn lên, bốn mắt đối nhau, nhân đó ngài ngộ nên gọi là Mật thọ tâm đăng, tức là thâm trao đèn tâm. Trao bằng cách nào?

Một ngọn đèn tâm mắt Phật sinh. Mắt Phật nhìn tổ Ca-diếp, đó là Phật đã đem ngọn đèn tâm trao cho Tổ.

Đồn rằng bốn mắt ngó phân minh. Phật nhìn xuống Tổ nhìn lên, bốn mắt ngó rõ ràng, đó là đã trao tâm ấn rồi.

Tiếp hương nối lửa sáng không dứt. Người sau, môn đồ của chư tổ luôn luôn tiếp nối đèn tâm này, nên nói tiếp hương nối lửa sáng mãi không cùng không dứt. Nếu dứt thì ngày nay chúng ta đâu còn hiểu để tu.

Trao khắp rừng thiên chúng hữu tình. Nhiều người tu thiên, ngộ được thiên, chỗ đó rất nhiều nên gọi là rừng thiên. Trao khắp rừng thiên cho các chúng hữu tình.

自性應用

顯赫分明十二時
此之自性任施為
六根運用真常見
萬法縱橫正徧知

TỰ TÁNH ỨNG DỤNG

*Hiển hách phân minh thập nhị thì,
Thử chi tự tánh nhậm thi vị.
Lục căn vận dụng chân thường kiến,
Vạn pháp tung hoành chánh biến tri.*

Dịch:

ỨNG DỤNG TÁNH MÌNH

*Rực rỡ rõ ràng suốt cả ngày,
Đây là tự tánh mặc hiện bày.
Sáu căn vận dụng chân thường thấy,
Muôn pháp dọc ngang giác ngộ ngay.*

Mật thò tâm đang là dùng mắt nhìn, đó là thầm trao, còn tự tánh ứng dụng là trong tự tánh mình dấy lên những công dụng hay là những hành động của mình.

Rực rỡ rõ ràng suốt cả ngày, Đây là tự tánh mặc hiện bày. Tức là nơi mình suốt cả ngày từ sáng đến chiều tối, lúc nào tự tánh cũng hiển bày rõ ràng, không bao giờ thiếu vắng. Nó hiện bày ở đâu?

Sáu căn vận dụng chân thường thấy. Ngay nơi sáu căn mình vận dụng, tức là có những hành động những hiểu biết đều từ cái thấy chân thường, chứ không phải điên đảo vọng tưởng. Điểm này quan trọng vô cùng. Như hiện nay, từ sáng đến chiều chúng ta sống mà cứ nghĩ mình đi chợ, mình làm công tác này công tác kia v.v... những cái nghĩ sắp đặt làm công kia việc nọ trong một ngày là ai nghĩ? Tự

nhiên chúng ta nói là tôi nghĩ. Như vậy cái nghĩ đó là tôi. Giả sử từ sáng đến chiều hoặc một giờ nửa giờ ngồi chơi mà không nghĩ gì hết, lúc đó có tôi không? Nếu nghĩ là tôi nghĩ thì khi không nghĩ tôi có không? Nếu không nghĩ cho là không có tôi, chúng ta đồng ý không? Những giờ phút ngồi lặng lẽ thản nhiên không nghĩ suy, nếu không có tôi thì có ai bóp mũi chúng ta cũng không la, tại sao lúc đó chúng ta lại không chịu được? Như vậy tuy không nghĩ mà mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, xúc chạm vẫn biết... có biết là ai biết, lẽ ra cái đó mới là tôi. Như vậy cái nghĩ là tôi hay cái không nghĩ là tôi? Nếu cái nghĩ là tôi chắc là khi thì có mình, khi thì mình đi chơi mất, chỉ còn cái xác không. Trái lại nếu mình biết có cái chân thật của mình hiện tiền, chỉ vì những vọng tưởng khởi lên lặng xuống lắng xằng, cũng giống như buổi trưa mặt trời sáng rõ, thỉnh thoảng trời chuyển mưa mây đen kéo qua. Khi có mây thì không thấy ánh sáng mặt trời nhưng đừng nói là không có mặt trời. Từ trước đến nay chúng ta thường có bệnh chỉ nhận những gì động, còn những gì không động thì không nhận. Hiện nay khi không nghĩ chúng ta biết mà cái biết đó có động không? Không nghĩ mà người nói mình nghe thì cái nghe đó có động không? Không nghĩ mà gió thổi mình biết mát, cái biết đó có động không? Như vậy để thấy đây là nói thẳng, nghĩa là cái thật đó rục rỏ rõ ràng suốt cả ngày, đó là tự tánh mặc tình hiện bày đầy đủ. Cái chân thường hiện ở sáu căn mình vận dụng luôn luôn, biết đi, biết nhìn, biết nói..., nó là sẵn trong đó.

Muôn pháp dọc ngang giác ngộ ngay. Nếu nhận được như vậy, thấy được như vậy thì ở giữa muôn pháp chúng ta đi dọc đi ngang vẫn là được giác ngộ chứ không có gì khác.

2. 窮今亘古本如如

法性圓同燦太虛

應出六根能運用

精通萬法撤無餘

Cùng kim cang cổ bản như như,

Pháp tánh viên đồng thuộc thái hư.

Ứng xuất lục căn năng vận dụng,

Tinh thông vạn pháp triệt vô dư.

Dịch:

Tột cùng kim cổ vốn như như,

Pháp tánh tròn đồng khắp thái hư.

Ứng hiện sáu căn hay vận dụng,

Rõ ràng muôn pháp tột không thừa.

Bài này và bài trên nói rõ cái chân thật hiện đầy đủ nơi sáu căn của chúng ta, chứ không thiếu vắng bao giờ. Chỉ vì không khéo nhận, không khéo biết nên chúng ta khóa lấp nó, quên mất nó.

自性應現

法性真空無四大

色相形容有六根

海底金烏天上日

眼中瞳子面前人

TỰ TÁNH ỨNG HIỆN

Pháp tánh chân không vô tứ đại,

Sắc tướng hình dung hữu lục căn.

Hải đế kim ô thiên thượng nhật,

Nhãn trung đồng tử diện tiền nhân.

Dịch:

TỰ TÁNH ỨNG HIỆN

Pháp tánh chân không chẳng tứ đại,

Hình dung sắc tướng có sáu căn.

Đáy biển quạ vàng trên mặt nhật,

Con người trong mắt nơi mặt người.

Bài trên là ứng dụng, bài này là ứng hiện.

Pháp tánh chân không chẳng tứ đại, đứng về mặt pháp tánh chân không thì không có tứ đại. Tứ đại không phải là pháp tánh, không phải là chân không, nhưng:

Hình dung sắc tướng có sáu căn. Khi duyên hợp, tứ đại chung hợp thì có hình dung, có sắc tướng rồi có sáu căn. Hai câu tiếp theo thật là hay:

Đáy biển quạ vàng trên mặt nhật. Câu này mới nghe thật là khó hiểu. Quạ vàng hay quạ lửa là chỉ mặt trời, *đáy biển quạ vàng* là chỉ bóng mặt trời nằm dưới đáy biển; *trên mặt nhật* là mặt trời thật thì ở trên hư không. Nhìn xuống đáy biển chúng ta thấy bóng mặt trời, như vậy mặt trời ở dưới đáy biển là bóng chứ không phải mặt trời thật. Mặt trời thật là ở trên hư không. Cũng như vậy chân tánh, chân không hay pháp tánh không có tứ đại nhưng khi tứ đại duyên hợp thì có thân này có sáu căn. Hình dung sắc tướng của thân này là bóng chứ không phải thật. Nhưng trong cái bóng đó nếu khéo nhìn sẽ thấy được cái thật. Thế nên câu kết thúc rất rõ:

Con người trong mắt nơi mặt người. Con người ở đâu? Ở giữa tròng con mắt. Con mắt ở đâu? Trên mặt người chứ đâu có xa. Con mắt thấy nhờ cái gì? Nhờ con người. Như vậy cái trọng tâm có sẵn nơi con mắt của mình cũng như cái chân tánh có sẵn trong thân tứ đại này, trong sáu căn của mình chứ không ở đâu xa. Con mắt nằm trên mặt, con mắt với mặt có xa không? Nó nằm trên mặt nhưng chúng ta không thấy nó mà chỉ thấy thiên hạ. Như vậy để nói rằng chúng ta có tâm giác biết tất cả những gì ở ngoài mà không biết chính tâm giác của mình. Hằng ngày chúng ta sống, phân biệt rành rẽ mọi sự vật chung quanh nhưng không biết cái hay phân biệt của mình ra sao, vì thế chúng ta phê bình người thì dễ mà phê bình mình thì khó. Mình có cả mười điều xấu mà ít khi thấy, còn người chỉ một hai việc xấu lại thấy liền. Đó là bệnh thấy ra ngoài, biết ra ngoài mà

không biết trở lại mình. Như vậy con mắt nằm trên mặt nhưng trọng tâm của mắt là con người nằm sẵn trong mắt. Cũng như trong thân tứ đại duyên hợp này có tánh giác chân thật mà chúng ta không biết. Nhưng tánh giác chân thật đó hiện nơi đâu? Hiện nơi sáu căn cũng như con người nằm sẵn nơi trong mắt chứ không ở đâu xa.

Tóm lại hai câu này nói rõ cái tướng do tứ đại hòa hợp là tướng hư dối, nhưng trong đó có cái chân thật. Cũng như nhìn dưới đáy nước thấy bóng mặt trời, bóng mặt trời là bóng, là hư dối nhưng nếu chịu khó nhìn ngược trở lên thì sẽ thấy mặt trời thật. Vì mắt chỉ nhìn xuống nên dễ thấy, ít nhìn lên nên khó thấy, thấy mặt trời dưới nước là chỉ thấy cái bóng, nếu chịu khó nhìn ngược trở lên thì mới thấy mặt trời thật. Cũng thế, chúng ta phóng ra ngoài để tìm biết bên ngoài thì tất cả tướng ở ngoài là tướng duyên hợp hư dối không thật, biết những tướng đó là biết cái bóng thôi. Chỉ cần quay lại nhìn cái thật của mình, thấy được cái thật của mình, đó mới là cái chân thật. Thế nên ở đây khéo trình bày bằng hai hình ảnh. Hình ảnh thứ nhất là bóng mặt trời dưới nước không phải là mặt trời thật. Hình ảnh thứ hai là con người nằm sẵn trong con mắt mà con mắt ở trên mặt, muốn tìm lại con người thì chỉ ngay nơi con mắt trên mặt mà thấy, chứ không cần tìm kiếm ở đâu xa. Như vậy ý nghĩa tự tánh ứng hiện rất là rõ.

神機顯化

1. 佛法妙理無多字

祖道玄機喝一聲

不是春雷音一震

爭教含甲盡開萌

THẦN CƠ HIỂN HÓA

Phật pháp diệu lý vô đa tự,

Tổ đạo huyền cơ hát nhất thanh.

Bất thị xuân lôi âm nhất chấn,

Tranh giao hàm giáp tận khai mạnh.

Dịch:

CƠ THẦN BÀY LỘ

Lý mầu Phật pháp không nhiều chữ,

Đạo Tổ cơ huyền tiếng hét to.

Nếu chẳng sấm xuân vang một tiếng,

Làm sao trong vỏ mầm nở tung.

Những bài này rất súc tích nên nghe khó hiểu. *Lý mầu Phật pháp không nhiều chữ*. Lý nhiệm mầu của Phật pháp không phải nhiều chữ nhiều lời, đó là một lẽ thật, chỉ có ai khéo nhận khéo thấy thì được.

Đạo Tổ cơ huyền tiếng hét to. Nói lý mầu Phật pháp và đạo tổ cơ huyền, đó là lối nói đối đãi để nghe cho dễ hiểu, chứ thật ra chỉ là một thôi. Một tiếng hét mà khéo nhận thì thấy rõ được cơ huyền của đạo Tổ. Tại sao phải một tiếng hét mới thấy? Ngài giải thích:

Nếu chẳng sấm xuân vang một tiếng, Làm sao trong vỏ mầm nở tung. Nếu không phải mùa xuân trời bắt đầu có sấm thì làm sao các hạt vỏ cứng có thể nảy mầm? Không phải tiếng sấm làm cho hạt nảy mầm, nhưng nhờ có sấm rồi có mưa nên các hạt nứt vỏ nảy mầm tung ra. Như vậy tiếng sấm là báo hiệu cho cơn mưa sắp tới cũng như tiếng hét là thâm chỉ cho cái chân thật vô ngôn. Có lời là sai nên buộc lòng phải hét. Cơ thần này là để giúp cho chúng ta sớm tỉnh giác chứ không phải là chuyện lạ lùng. Một tiếng hét là để đánh thức chúng ta nhớ lại mình, ngộ được mình, cũng như tiếng sấm mùa xuân khiến cho các hạt nảy mầm vậy.

2.

一喝當陽絕點埃

萬重口鎖豁然開

明明大道平如掌

及第心空歸去來

Nhất hát dương dương tuyệt điểm ai,

Vạn trùng quan tỏa hoát nhiên khai.

Minh minh đại đạo bình như chưởng,

Cập đệ tâm không quy khứ lai.

Dịch:

Một hét đang thời bật điểm nhơ,

Muôn vòng cổng khóa bỗng tung ra.

Đại đạo sáng ngời như tay mở,

Tâm không thi đậu thanh thoi về.

Bài này nói thêm ý nghĩa thần cơ.

Một hét đang thời bật điểm nhơ. Một tiếng hét phát lên làm cho chúng ta dứt sạch tất cả điểm nhơ. Những điểm như là những ý niệm lằng xằng. Một tiếng hét chúng ta nghĩ được gì? Thí dụ hỏi: Bạch Hòa thượng, thế nào là Phật? Các ngài hét lên một tiếng, lúc đó chúng ta nghĩ gì? Chỉ còn lẽ rồi lui, đó là làm sạch hết những điểm nhơ. Một niệm nghĩ là một điểm nhơ trong tự tánh, như vậy ai nghĩ nhiều thì sao? Người đời cho rằng nghĩ nhiều là khôn nhiều, nhưng không ngờ trong đạo nghĩ nhiều là nhơ nhiều, cho nên muốn hết nhơ thì phải bật suy nghĩ. Đó là điều rất rõ.

Muôn vòng cổng khóa bỗng tung ra. Cổng có nhiều vòng khóa, một tiếng hét làm nó tan hết. Tâm chúng ta có bị khóa nhiều lớp không? Chúng ta thấy như tâm mình thanh thoi tự do, không ngờ nó bị khóa rất nhiều lớp. Ghét thương, giận hờn, cố chấp việc này điều kia... đó là những lớp khóa. Chúng ta tưởng đâu thanh thoi lắm nào ngờ chúng ta là người bối rối nhất. Tại sao? Hết giận tới thương, hết thương tới ghét đủ các thứ, không bối rối sao được! Nhưng nhờ một tiếng hét mấy lớp giận hờn tan hết. Khi những niệm đó tan rồi chúng ta mới thật thanh thoi. Quý vị có ai được thanh thoi chưa? Đừng thấy ở chùa không có gia đình, không có gì cả, tưởng là thanh

thời, nhưng chưa hẳn, vì vẫn còn thương ghét huynh đệ, giận hờn đệ tử, toan tính thế này thế kia... cho nên tất cả những điều đó là những vòng khóa làm cho mình phải bị cột trong đó. Khi nào chúng ta không còn những niệm thương ghét buồn giận, khi ấy mới thật là thanh thời. Mà muốn tan hết những niệm đó chỉ cần một tiếng hét, tiếng hét của các tổ làm tan hết các niệm. Tan hết thì thế nào?

Đại đạo sáng ngời như tay mở. Bình như chuông là như lòng bàn tay xòe ra bằng phẳng ở trước mắt rõ ràng không xa. *Đại đạo sáng ngời như bàn tay xòe ra bằng phẳng ở trước mắt.* Nếu tan hết những vòng khóa buồn thương giận ghét thì đại đạo hiện trước mắt như bàn tay xòe ra không cần tìm kiếm nơi đâu cả. Như vậy tu không phải là cái gì xa lạ, nó thực tế trăm phần trăm, ở ngay trước mắt mình nên câu kết:

Tâm không thi đậu thanh thời về. Đó mới thật là thanh thời. *Tâm không* tức là không tất cả những niệm thương ghét, vui buồn, phải quấy, hơn thua những niệm đó đều sạch hết, đó là người thi đậu, người đạt đạo. Lúc đó mới thật là thanh thời đi đông đi tây, không có gì trở ngại nữa. Trái lại nếu tâm còn *Có* thì bị cột trói chứ chưa thanh thời. Vậy người tu muốn đến chỗ hoàn toàn tự do tự tại, tức là giải thoát thì phải dứt bật những niệm ghét thương, hờn giận, phải quấy... Những niệm đó tan biến hết mới thật là con người giải thoát, mới thật là con người tự tại, đó gọi là thi đậu đi về thanh thời. Nếu không thì hẳn là thi rớt, trở về vừa đi vừa buồn khóc khổ sở. Quý vị muốn thi đậu thì cố gắng, bài thi là chỗ đó.

了 無 所 了

了 了 了 見 無 一 物

亦 無 人 兮 亦 無 佛

大 千 沙 界 海 中 漚

一 切 聖 賢 如 電 拂

LIỄU VÔ SỞ LIỄU

Liễu liễu liễu kiến vô nhất vật,

*Diệc vô nhân hê diệc vô Phật.
Đại thiên sa giới hải trung âu,
Nhất thiết thánh hiền như điện phát.*

Dịch:

*RÕ KHÔNG CHỖ RÕ
Rõ rõ rõ thấy không một vật,
Cũng không người chừ cũng không Phật.
Thế giới đại thiên bọt trong biển,
Tất cả thánh hiền như điện chớp.*

Bài kệ này là trích một đoạn trong bài Chứng Đạo Ca của thiền sư Huyền Giác, chứ không phải là tác phẩm của ngài Chân Nguyên. Nhưng ngài trích vào đây tức là có mang ý nghĩa nói lên cơ duyên ngộ đạo để chúng ta thấy là chỉ cần bốn câu trong Chứng Đạo Ca cũng là cơ hội chúng ta ngộ đạo, chứ không phải cả một quyển kinh hay quyển sách.

Rõ rõ rõ thấy không một vật. Nếu chúng ta thấy rõ ràng thấu suốt rồi thì không một vật. Chính câu này là câu Lục tổ Huệ Năng đã nói *Bản lai vô nhất vật*. Khi ngộ đạo rồi chúng ta nhìn tường tận muôn sự muôn vật trên thế gian thấy không một vật nào là thật, nhưng trong đó rõ ràng cái thể bất sanh bất diệt không hình tướng nên không phải là một vật.

Cũng không người chừ cũng không Phật. Tại sao? Người là chỉ cho mê, Phật là chỉ cho giác. Nếu đã thấy tường tận thì không còn trong đối đãi giữa mê và giác. Đến chỗ cứu cánh không có giác cũng không có mê, cũng như khi trời giữa trưa chúng ta không còn nói là sáng. Nếu lúc chập chờn từ tối bước qua sáng tức là lúc rạng đông thì chúng ta nói sáng vì mới qua đêm tối. Buổi chiều mặt trời sắp lặn, lúc đó chúng ta thấy hết sáng qua tối. Còn giữa trưa không nói sáng nhưng không phải là không sáng vì cái sáng đã rõ ràng không còn là cái sáng đối đãi với cái tối. Thế nên ở đây ngài dùng ba chữ

liễu, chữ liễu dịch là rõ cũng hơi yếu vì liễu có khi gọi là liễu ngộ nhưng gượng dịch như vậy. Khi nhìn tường tận chỗ cứu cánh thì không có một vật nào để còn có đối đãi, nên không có người cũng không có Phật.

Thế giới đại thiên bọt trong biển. Kể cả tam thiên đại thiên thế giới lớn vô cùng vô tận nhưng đối với cái thể không một vật này, nó giống như hạt bọt trong biển cả, không có nghĩa lý gì.

Tất cả thánh hiền như điện chớp. Nói là Thánh là Hiền chẳng qua là giả danh tạm đặt chứ không phải thật nên giống như làn điện chớp xẹt qua rồi mất. Tóm lại nếu người nào liễu ngộ tường tận thì không còn sở liễu. Không còn năng sở tức là dứt đối đãi. Chỗ không còn đối đãi đó thênh thang không bờ mé, không giới hạn, cả thế giới tam thiên đại thiên so với chỗ đó cũng như một hòn bọt trong biển cả. Người tu đến chỗ cứu cánh rồi thì không còn bị giới hạn đâu là ranh giới của tâm của vật, đâu là ranh giới của năng của sở, tức là không còn đối đãi hai bên nữa.

捨幻證真

法性圓明燦太虛

只因妄動結成軀

若能靜坐澄清照

常寂光中一物無

XẢ HUYỄN CHỨNG CHÂN

Pháp tánh viên minh thước thái hư,

Chỉ nhân vọng động kết thành khu.

Nhược năng tịnh tọa trừng thanh chiếu,

Thường tịch quang trung nhất vật vô.

Dịch:

XẢ HUYỄN CHỨNG CHÂN

Pháp tánh sáng tròn khắp thái hư,

Bởi vì vọng động kết thành thân.

Nếu hay tịnh tọa lóng trong sáng,

Trong thường tịch quang một vật không.

Đây nói khi chúng ta bỏ được cái hư ảo huyền hóa thì nhận ra được cái chân thật.

Pháp tánh sáng tròn khắp thái hư. Pháp tánh sáng tròn ấy trùm khắp cả hư không, không bị hạn chế.

Bởi vì vọng động kết thành thân. Tại sao chúng ta có thân này? Tại sao chúng ta còn đi trong sanh tử? Đó là vì vọng động. Một niệm dấy lên chúng ta theo nó, đó là nhân để thành thân này, cho nên nói vọng động hay niệm khởi là nhân tạo nghiệp, do nghiệp mà có thân này. Nếu còn vọng động tức là tiếp tục luân hồi sanh tử.

Nếu người nào khéo tọa thiền, lòng lóng lặng trong sáng thì không còn vọng niệm, vọng niệm không còn thì nhân sanh tử cũng giảm. Vậy muốn thoát ly sanh tử không gì hơn là phải lóng lặng vọng tưởng vọng động. Khi vọng tưởng lặng rồi đó là nhân để được Niết-bàn hay đạt được pháp tánh tròn sáng khắp hư không. Thế nên nói:

Nếu hay tịnh tọa lóng trong sáng,

Trong thường tịch quang một vật không.

Thường tịch quang là thường tịch quang độ, là cội thường tịch quang, tức chỉ cội của pháp thân. Trong pháp thân không có một vật. Vì khi tâm lóng trong lặng lẽ không dấy động thì không còn kết tụ thành thân, mà không kết tụ thành thân thì ở trong pháp thân hoàn toàn không có một vật nào có tướng có hình, vì vậy mà dứt mầm sanh tử, dứt hết tất cả vô thường nên gọi là *xả huyền chứng chân*.

真源湛寂

天地父母未生前

寂光圓湛是真源

自覺覺他名曰佛

慈悲說法利人天

CHÂN NGUYÊN TRẠM TỊCH

Thiên địa phụ mẫu vị sanh tiên,

Tịch quang viên trạm thị chân nguyên.

Tự giác giác tha danh viết Phật,

Từ bi thuyết pháp lợi nhân thiên.

Dịch:

CHÂN NGUYÊN LẶNG LẼ

Trời đất mẹ cha khi chưa sanh,

Tịch quang tròn lặng là chân nguyên.

Tự giác giác tha gọi rằng Phật,

Từ bi thuyết pháp lợi trời người.

Trong bài kệ trên, ngài Chân Nguyên định nghĩa thế nào là chân nguyên. Chân là chân thật, nguyên là nguồn. Chân nguyên là nguồn chân thật.

Trời đất cha mẹ khi chưa sanh là chưa có trời đất, chưa có cha mẹ cũng như chưa có chúng ta. *Tịch quang tròn lặng là chân nguyên.* Tịch là lặng, quang là sáng. Cái tròn lặng sáng suốt đó là chân nguyên. Vậy chân nguyên là chỗ tròn lặng sáng suốt khi chưa có trời đất, chưa có cha mẹ hay là chưa có chúng sanh.

Tự giác giác tha gọi rằng Phật. Phật là gì? Sau khi một chúng sanh thức tỉnh, giác ngộ biết được nguồn gốc chân nguyên, đó là tự giác. Từ tự giác đem ra giảng dạy cho người khác cùng được giác gọi là giác tha. Ai tròn đủ tự giác giác tha gọi là Phật.

Khi đã là Phật thì: *Từ bi thuyết pháp lợi trời người.* Phật là do tự giác giác tha viên mãn, nên lòng từ bi tròn đầy trùm khắp, thương cả trời người, vì thế luôn luôn thuyết pháp để độ trời người. Chúng ta thường cho rằng phàm phu là si mê, cõi thế gian trần tục nhiều khổ đau, nếu được sanh cõi trời thì rất hạnh phúc vì cõi trời an vui

sung sướng, đầy đủ dục lạc. Nhưng đối với nhà Phật, cõi trời vẫn còn sanh tử tức là còn luân hồi nên chưa phải là chỗ an vui tuyệt vời, vì thế Phật vẫn phải thuyết pháp để độ chư thiên. Trong kinh kể có lần đức Phật lên cung trời Đao-lợi để thuyết pháp độ mẫu hoàng và chư thiên trên đó. Như vậy cõi trời chưa phải là nơi hết sanh tử, nhưng người phàm phu rất thích được lên trên đó hưởng sung sướng.

2.

萬法空花皆不實
為度群生假立權
了了本來無一物
真源湛寂復還源

Vạn pháp không hoa giai bất thật,

Vì độ quần sanh giả lập quyền.

Liễu liễu bản lai vô nhất vật,

Chân nguyên trạm tịch phục hoàn nguyên.

Dịch:

Muôn pháp không hoa đều chẳng thật,

Vì độ quần sanh tạm lập quyền.

Rõ rõ xưa nay không một vật,

Chân nguyên lặng lẽ lại hoàn nguyên.

Muôn pháp không hoa đều chẳng thật. Giữa thế gian này muôn pháp đều giả ảo giống như hoa đốm trong hư không không có gì thật. Không hoa là hoa đốm trong hư không. Mùa hè nắng chang chang, đi ngoài trời một lúc chúng ta dụi mắt nhìn thấy trong hư không có những điểm chớp chớp, gọi đó là hoa đốm. Những hoa đốm đó chỉ là do mắt bị chói nhìn thấy, chứ chúng hoàn toàn không thật, nên nói muôn pháp không hoa đều chẳng thật. *Vì độ quần sanh tạm lập quyền.* Vì độ tất cả chúng sanh mê muội nên quyền lập ra các pháp

tam thừa, ngũ thừa v.v.. tùy cơ lập ra để giáo hóa chứ các pháp không thật.

Rõ rõ xưa nay không một vật. Nếu thấy tường tận thì xưa nay không một vật nào là thật và khi thấy được không một vật thật thì sẽ thấy: *Chân nguyên lặng lẽ lại hoàn nguyên.* Nguồn chân lặng lẽ trở về nguồn ban đầu tức là nguồn chân ban đầu. Như vậy khi tỉnh giác chúng ta thấy tất cả pháp thế gian là hư ảo không thật, nên tất cả pháp của Phật lập ra để giáo hóa cứu độ chúng sanh cũng là pháp giả lập chứ không thật. Xét thấu đáo tường tận thì không có một vật gì là thật, nhận được như vậy là chúng ta đã thể nhập chân nguyên, nghĩa là trở về cái gốc ban đầu, chưa có trời đất cha mẹ v.v... Nay chúng ta ngộ được đến chỗ cứu cánh, đó là trở về chân nguyên tức là trở về cái ban đầu nên nói chân nguyên lặng lẽ lại hoàn nguyên.

Tóm lại trong những bài kệ sau, chúng ta thấy ngài Chân Nguyên chỉ rõ rằng người ngộ đạo là trở về pháp thân hay là trở về nguồn chân. Cái đó ai cũng có, ai cũng sẵn mà lâu nay chúng ta mê, chúng ta quên. Vì mê nên sự vật trong vòng đối đãi chúng ta đều thấy là thật, có mình có người có vật... Từ cái đối đãi không thật mà chúng ta mê lầm thấy là thật, nên tranh đua giành giật, gây khổ đau cho nhau. Nếu giác ngộ thấy tất cả đều hư ảo không thật thì từ từ chúng ta trở về được nguồn chân. Trở về nguồn chân là phản bản hoàn nguyên. Phản bản là trở về gốc, hoàn nguyên là trở lại nguồn. Trở về gốc, trở lại nguồn, đó là nguồn chân nên gọi là chân nguyên.

Cuối cùng có câu:

Nam-mô pháp thân trạm tịch viên đồng thái hư chân không vô tướng Phật.

Dịch:

Nam-mô Phật pháp thân lặng lẽ tròn đồng thái hư chân không không tướng.

Câu này là quy kính trở về pháp thân Phật, pháp thân mà tất cả chúng sanh đồng có.